

## HỒ SƠ MỜI THẦU

Tên gói thầu: Cung cấp rác thải công nghiệp Quý I năm 2026

Gói thầu số: 014/ĐTRR/XMCP/ĐT/2026.

Phát hành ngày: 9/01/2026

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Thái Hưng

## Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

### Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Bên mời thầu Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả, áp dụng Quy chế mua sắm thường xuyên (QC MSTX) của Bên mời thầu (Nhà thầu quan tâm có thể nhận bản ccopy QC MSTX để nghiên cứu đề xuất) mời nhà thầu tham gia Đấu thầu gói thầu được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

- Tên gói thầu: Cung cấp rác thải công nghiệp Quý I năm 2026.

- Số lượng và số hiệu các hạng mục thuộc gói thầu như sau: tổ chức thành 01 gói thầu, không phân chia gói thầu thành nhiều phần.

2. Nguồn vốn: Chi phí SXKD của đơn vị.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 120 ngày (Trong đó: Cung cấp hàng hóa/dịch vụ liên quan trong vòng 105 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng, cộng thêm 15 ngày nghiệm thu, bàn giao).

### Mục 2. Chế tài xử lý vi phạm trong lựa chọn nhà thầu

Chế tài xử lý vi phạm trong lựa chọn nhà thầu quy định tại Điều 72 QC MSTX.

### Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước mà Nhà thầu hoạt động cấp;

- Hạch toán tài chính độc lập;

- Không trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của Pháp luật;

- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Pháp luật về đấu thầu; không trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu mua sắm theo Quy chế này;

- Đã đăng ký trên Mạng đấu thầu quốc gia và mạng đấu thầu Viettel.

### Mục 4. Làm rõ, sửa đổi Hồ sơ mời thầu (HSMT)

#### 1. Làm rõ HSMT

Trong trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời thầu muộn nhất: trước ngày có thời điểm đóng thầu 03 ngày làm việc. Việc làm rõ HSMT được bên mời thầu thực hiện theo một hoặc các hình thức sau đây:

- Gửi văn bản làm rõ cho các Nhà thầu đã mua hoặc nhận HSMT;

- Nội dung làm rõ HSMT không được trái với nội dung của HSMT đã duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ HSMT dẫn đến sửa đổi cơ bản HSMT thì việc sửa đổi HSMT thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Mục này.

#### 2. Sửa đổi HSMT

Trường hợp sửa đổi HSMT sau khi phát hành, Bên mời thầu phải gửi những nội dung sửa đổi HSMT đến các Nhà thầu đã mua hoặc nhận HSMT không muộn hơn: tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trường hợp không đủ 03 ngày làm việc thì bên mời thầu sẽ gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng.

Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian để sửa đổi Hồ sơ dự thầu (HSDT), Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu bằng việc sửa đổi HSMT.

#### **Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng/dự thầu**

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng.

2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là VND.

3. HSDT cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDT được trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

#### **Mục 6. Thành phần của HSDT**

HSDT do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng/đơn dự thầu theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;
2. Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu (nếu ủy quyền);
3. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 – Biểu mẫu (nếu liên danh);
4. Bảo lãnh dự thầu theo Mẫu số 04a hoặc Mẫu số 04a Chương III – Biểu mẫu;
5. Bảng tổng hợp giá chào Mẫu số 5 Chương III – Biểu mẫu;
6. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng/đơn dự thầu, của nhà thầu và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu;
7. Các nội dung khác: tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm, báo cáo tài chính, giấy phép đăng ký kinh doanh....

#### **Mục 7. Giá chào và giảm giá**

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSMT.

2. Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất

cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSMT với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDT hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT và được mở đồng thời cùng HSDT của nhà thầu; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDT và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

5. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu có thể chào một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải chào đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì phải nêu rõ cách thức và giá trị giảm giá cho từng phần.

#### **Mục 8. Thời gian có hiệu lực của HSDT**

1. Thời gian có hiệu lực của HSDT là: **tối thiểu 60 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. HSDT nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDT của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT.

#### **Mục 9. Bảo đảm dự thầu**

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức: thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp sử dụng thư bảo lãnh thì phải áp dụng theo Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà thầu độc lập hoặc Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà thầu liên danh theo quy định tại HSMT này hoặc một Mẫu thư bảo lãnh khác nhưng phải bao gồm đầy đủ nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu.

2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm dự thầu

a) Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: 216.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm mười sáu triệu đồng./.).

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: **tối thiểu 90 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Khoản 2 Mục này, không đúng tên bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.

4. Trong trường hợp gia hạn thời gian hiệu lực của HSDT sau thời điểm đóng thầu, bên mời thầu phải yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực bảo đảm dự thầu và không được thay đổi nội dung trong HSDT đã nộp. Trường hợp nhà thầu từ chối gia hạn thì HSDT sẽ không còn giá trị và bị loại; Bên mời thầu phải hoàn trả và giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày bên mời thầu nhận được văn bản từ chối gia hạn.

5. Trường hợp liên danh tham dự thầu, từng thành viên trong liên danh có thể thực hiện bảo đảm dự thầu riêng rẽ hoặc thỏa thuận một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu cho thành viên đó và cho thành viên khác trong liên danh. Tổng giá trị của bảo đảm dự thầu không thấp hơn giá trị yêu cầu trong HSMT. Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định tại Khoản 7 Điều này thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh không được hoàn trả.

6. Bên mời thầu có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu không được lựa chọn theo thời hạn quy định trong HSMT nhưng không quá 20 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 70 của QC MSTX.

7. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

a. Nhà thầu rút HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT;

b. Nhà thầu vi phạm nội dung tại QC MSTX;

c. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 70 của QC MSTX;

d. Nhà thầu không đến thương thảo theo yêu cầu bên mời thầu (*trừ trường hợp bất khả kháng hoặc lý do khác được Bên mời thầu chấp nhận*); không tiến hành hoặc từ chối thực hiện hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn

thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

#### **Mục 10. Quy cách HSDT**

1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc cùng 02 bản chụp HSDT đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDT thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDT đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”.

2. Túi đựng HSDT, HSDT sửa đổi, HSDT thay thế của nhà thầu phải được niêm phong và ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDT của nhà thầu.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDT của nhà thầu bị loại.

4. Tất cả các thành phần của HSDT nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng/đơn dự thầu.

#### **Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDT**

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT theo đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu là 10 giờ 00' ngày 20 tháng 1 năm 2026.

2. Bên mời thầu sẽ tiếp nhận HSDT của tất cả nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSMT trực tiếp từ bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSMT thì nhà thầu phải trả cho bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán HSMT khi HSDT được tiếp nhận. Trường hợp nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu thì HSDT bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSDT bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu.

Trước thời điểm đóng thầu, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSDT thì nhà

thầu nộp HSDT thay thế hoặc HSDT sửa đổi cho bên mời thầu với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chi dẫn nhà thầu.

### **Mục 12. Mở thầu**

1. Bên mời thầu tiến hành mở công khai HSDT của các nhà thầu vào lúc 10 giờ 30', ngày 20 tháng 01 năm 2026 tại địa điểm Bên mời thầu trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự chào hàng.

2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSDT và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDT, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà bên mời thầu thấy cần thiết. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì còn phải đọc giá chào và giá trị giảm giá (nếu có) cho từng phần. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng/đơn dự thầu, giấy ủy quyền, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói thầu (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ các HSDT nộp sau thời điểm đóng thầu.

3. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.

### **Mục 13. Làm rõ HSDT**

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu, bên mời thầu sẽ có văn bản yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT của nhà thầu.

2. Nhà thầu được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên mời thầu trong vòng 03 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDT.

3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ và phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Nội dung làm rõ HSDT phải thể hiện bằng văn bản

và được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT.

#### **Mục 14. Đánh giá HSDT và thương thảo hợp đồng**

1. Việc đánh giá HSDT được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

2. Nhà thầu được xếp hạng nhất được mời đến thương thảo hợp đồng. Trường hợp nhà thầu được mời đến thương thảo hợp đồng nhưng không đến thương thảo hoặc từ chối thương thảo hợp đồng thì nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

3. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:

- a. Báo cáo đánh giá HSDT.
- b. HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của nhà thầu.
- c. HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT.

4. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng

a. Trong quá trình đánh giá HSDT và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện khối lượng mời thầu nêu trong bảng tiên lượng mời thầu thiếu so với thiết kế, yêu cầu của gói thầu thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu phải bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào.

b. Việc thương thảo đối với phần sai lệch thiếu hoặc phần khối lượng mời thầu thiếu so với hồ sơ thiết kế, yêu cầu của gói thầu: trường hợp trong HSDT chưa có đơn giá thì xem xét việc áp đơn giá thấp nhất của các nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật hoặc đơn giá thỏa thuận nhưng bảo đảm thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong giá gói thầu, trường hợp gói thầu thực hiện theo hình thức hợp đồng trọn gói thì tổng giá dự thầu sau khi thực hiện thương thảo tại Điểm này phải đảm bảo không vượt giá gói thầu.

5. Nội dung thương thảo hợp đồng

a. Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong thực hiện hợp đồng.

b. Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDT (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của Nhà thầu nếu trong HSMT có quy định cho phép Nhà thầu chào phương án thay thế.

c. Thương thảo về nhân sự:

Trường hợp có lý do chính đáng thì nhà thầu có thể thay đổi nhân sự thực hiện gói thầu nhưng phải đảm bảo nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

d. Thương thảo các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu.

- e. Thương thảo về giảm giá (nếu có).
- f. Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).

7. Trường hợp thương thảo không thành công (không phải do việc thương thảo về giảm giá quy định tại Điểm e Khoản 5 Điều này), bên mời thầu xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì bên mời thầu xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 của QC MSTX.

#### **Mục 15. Điều kiện xét duyệt trúng thầu**

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDT hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu;
3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá thấp nhất;
6. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

#### **Mục 16. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu**

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng/dự thầu theo đường bưu điện, fax, email và đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu Viettel.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

#### **Mục 17. Điều kiện ký kết hợp đồng**

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, bên mời thầu tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. Kết quả xác minh khẳng định là nhà thầu vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm

quy định trong HSMT thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, bên mời thầu sẽ hủy quyết định trúng thầu trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Bên mời thầu phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

### **Mục 18. Thay đổi khối lượng**

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá 10% khối lượng hàng hóa, dịch vụ nêu trong phạm vi cung cấp và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSMT và HSDT.

### **Mục 19. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

1. Là việc Nhà thầu thực hiện biện pháp Bảo đảm thực hiện Hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành. Giá trị và nội dung của bảo đảm này theo quy định tại Chương V - Dự thảo hợp đồng ban hành kèm HSMT này.

2. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc bằng thời điểm hợp đồng có hiệu lực.

3. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

### **Mục 20. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu**

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia đấu thầu rộng rãi khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 71 QC MSTX.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của bên mời thầu: Ông Đặng Xuân Hùng – Trưởng phòng Đầu tư & Quản lý tài sản; SĐT: 0967.910.666;

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Ông Nguyễn Thái Hưng – Tổng Giám đốc; SĐT: 0983.000.125;

c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc:

Đầu mối: Tổ trưởng tổ chuyên gia - Phòng Đầu tư & Quản lý tài sản - Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả - Km6, QL18A, phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh; Nguyễn Quang Hưng – hungnq30@viettel.com.vn. Điện thoại:

0965948855.

**Mục 21. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu**

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của QC MSTX, quy định của pháp luật đấu thầu liên quan, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo địa chỉ sau: Ông Nguyễn Văn Bình – Chánh Văn phòng – Công ty CP Xi măng Cẩm Phả. SĐT: 0965 136 188.

## Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

### Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

TT	Nội dung	Yêu cầu (mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là hợp lệ)	Hợp lệ/ Không hợp lệ
1	Bản gốc HSDT	01 bản gốc	
2	Đơn chào hàng	Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh.	
		Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 120 ngày (Trong đó: Cung cấp hàng hóa/dịch vụ liên quan trong vòng 105 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng, cộng thêm 15 ngày nghiệm thu, bàn giao).	
		Giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào hàng khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.	
3	Hiệu lực của HSDT	Thời gian có hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chi dẫn nhà thầu	
4	Bảo đảm dự thầu	Nhà thầu mở bảo đảm dự thầu đáp ứng được yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I – Chi dẫn nhà thầu.	
5	Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT	Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh)	
6	Thỏa thuận liên danh	Có thỏa thuận liên danh với đầy đủ thông tin theo Mẫu số 03 Chương III -- Biểu mẫu.	
7	Tư cách hợp lệ	Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chi dẫn nhà thầu.	

Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp.

### Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Nhà thầu có HSDT được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật khi được đánh giá là “đạt” đầy đủ các nội dung sau đây:

TT	Nội dung	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt
1	Năng lực kinh nghiệm:	
1.1	- Số năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính.	Thành lập trước năm 2024, được thể hiện trong GPĐKKD. (Trong trường hợp liên danh, ít nhất một thành viên của liên danh phải đáp ứng yêu cầu này).
1.2	- Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá/dịch vụ tương tự.	1. Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự theo mô tả dưới đây mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng 03 năm trở lại đây (tính từ thời điểm nhà thầu hoàn thành Hợp đồng đến thời điểm đóng thầu – căn cứ theo Biên bản thanh lý Hợp đồng hoặc hồ sơ nghiệm thu hoặc Hoá đơn bán hàng của Hợp đồng tương tự): i, Nội dung Hợp đồng tương tự: Hợp đồng có nội dung về cung cấp rác thải công nghiệp (để làm chất đốt) hoặc cung cấp vật tư để làm nhiên liệu đốt trong sản xuất công nghiệp. ii, Số lượng và giá trị của Hợp đồng tương tự: Tối thiểu 01 hợp đồng. Giá trị 1 hợp đồng (hợp lệ) $\geq 7.690.000.000$ đồng. (Nhà thầu cung cấp bản sao hợp đồng và các hóa đơn bán hàng, Biên bản nghiệm thu/Biên bản thanh lý hợp đồng để chứng minh. Khi cần thiết Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp bản gốc để đối chiếu, xác minh).
2	Năng lực tài chính:	
2.1	- Doanh thu	- Doanh thu năm 2024 tối thiểu là: 16.466.000.000 (VNĐ). (Trong trường hợp liên danh, doanh thu của cả liên danh được tính bằng tổng doanh thu của các thành viên trong liên danh có tài liệu chứng minh năng lực tài chính hợp lệ).
2.2	- Lợi nhuận trước thuế	- Lợi nhuận trước thuế năm 2024 tối thiểu là 0 VND. (Trong trường hợp liên danh, ít nhất thành viên đứng đầu liên danh phải đáp ứng yêu cầu).
2.3	Tài liệu gửi kèm nhằm đối chứng với các số liệu tài chính mà Nhà thầu kê khai.	Là Bản gốc hoặc bản sao Báo cáo tài chính năm 2024 và phải đáp ứng được một trong những yêu cầu sau: - Có bản kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế. - Đã được kiểm toán. - Có xác nhận nộp hồ sơ khai thuế của cơ quan thuế. - Có tờ khai tự quyết toán thuế (Thuế GTGT và thuế TNDN) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai. - Có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số thuế nộp cả năm) về thực hiện nghĩa vụ nộp thuế. - Trường hợp nộp thuế qua mạng, yêu cầu in, đóng dấu xác nhận và nộp: Thông báo xác nhận đã nộp hồ sơ khai thuế của cơ quan thuế và báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bản thuyết minh liên quan đến báo cáo tài chính năm 2024.

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật (Tiêu chí Đạt/không đạt)

HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí nêu dưới đây đều được đánh giá là “đạt”. HSDT của nhà thầu được đánh giá là “đạt” thì sẽ được tiếp tục xem xét, đánh giá về giá.

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
<b>1</b>	<b>Tiến độ và địa điểm cung cấp hàng hóa/dịch vụ liên quan</b>		
1.1	Tiến độ cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan	- Đề xuất về tiến độ cung cấp hàng hóa và các dịch vụ liên quan đáp ứng yêu cầu nêu tại <b>Mục 2, chương IV, HSMT.</b>	<b>Đạt</b>
		- Đề xuất về tiến độ cung cấp hàng hóa và các dịch vụ liên quan không đáp ứng yêu cầu nêu tại <b>Mục 2, chương IV, HSMT.</b>	<b>Không đạt</b>
1.2	Địa điểm cung cấp hàng hóa và các dịch vụ liên quan	- Đề xuất về địa điểm cung cấp hàng hóa và các dịch vụ liên quan đáp ứng yêu cầu nêu tại <b>Mục 2, chương IV, HSMT.</b>	<b>Đạt</b>
		- Đề xuất về địa điểm cung cấp hàng hóa và các dịch vụ liên quan không đáp ứng yêu cầu nêu tại <b>Mục 2, chương IV, HSMT.</b>	<b>Không đạt</b>
<b>2</b>	<b>Các yêu cầu kỹ thuật</b>		
2.1	Yêu cầu về phạm vi cung cấp, đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan	- Hàng hóa/dịch vụ liên quan nhà thầu đề xuất có số lượng, đặc tính kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu nêu tại <b>Bảng số 1, Mục 1, Chương IV, HSMT.</b>	<b>Đạt</b>
		- Không đề xuất hoặc hàng hóa/dịch vụ liên quan đề xuất có đặc tính kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật không đáp ứng các yêu cầu nêu tại <b>Bảng số 1, Mục 1, Chương IV, HSMT.</b>	<b>Không đạt</b>
2.2	Các yêu cầu kỹ thuật cụ thể của hàng hóa	- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về Các yêu cầu kỹ thuật cụ thể của hàng hóa đáp ứng được tất cả các yêu cầu nêu tại <b>khoản 3.2, Mục 3, chương IV, HSMT</b>	<b>Đạt</b>
		- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về Các yêu cầu kỹ thuật cụ thể của hàng hóa không đáp ứng được tất cả các yêu cầu nêu tại <b>khoản 3.2, Mục 3, chương IV, HSMT</b>	<b>Không đạt</b>
2.3	Yêu cầu kỹ thuật cụ thể của dịch vụ liên quan	Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về Các yêu cầu kỹ thuật cụ thể của dịch vụ liên quan đáp ứng được tất cả các yêu cầu nêu tại <b>khoản 3.3, Mục 3, chương IV, HSMT</b>	<b>Đạt</b>
		Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về Các yêu cầu kỹ thuật cụ thể của dịch vụ liên quan không đáp ứng được các yêu cầu nêu tại <b>khoản 3.3, Mục 3, chương IV, HSMT</b>	<b>Không đạt</b>
3	Phương thức giao nhận hàng hóa	- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về Phương thức giao nhận hàng hóa đáp ứng được tất cả các yêu cầu nêu tại <b>Mục 4, chương IV, HSMT</b>	<b>Đạt</b>
		- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về Phương thức giao nhận hàng hóa không đáp ứng được tất cả các yêu cầu nêu tại <b>Mục 4, chương IV, HSMT</b>	<b>Không đạt</b>

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4	Yêu cầu về phạt vi phạm	- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về Phạt vi phạm: Đồng ý với các điều khoản về Phạt vi phạm nêu tại <b>Mục 5, chương IV, HSMT</b>	Đạt
		- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về Phạt vi phạm: Không nêu hoặc Không đồng ý với các điều khoản về Phạt vi phạm nêu tại <b>Mục 5, chương IV, HSMT</b>	Không đạt
5	Từ chối nhận hàng	Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về các trường hợp từ chối nhận hàng: Đồng ý với các trường hợp Từ chối nhận hàng nêu tại <b>Mục 6, chương IV, HSMT</b>	Đạt
		Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về các trường hợp từ chối nhận hàng: Không nêu hoặc không đồng ý với các trường hợp Từ chối nhận hàng nêu tại <b>Mục 6, chương IV, HSMT</b>	Không đạt
6	Điều kiện thanh toán	Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về Điều kiện thanh toán: Đồng ý chấp thuận Điều kiện thanh toán nêu tại <b>Mục 7, chương IV, HSMT</b>	Đạt
		Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDT về Điều kiện thanh toán: Không nêu hoặc không đồng ý chấp thuận Điều kiện thanh toán nêu tại <b>Mục 7, chương IV, HSMT</b>	Không đạt
	Kết luận	Tất cả các nội dung trên được đánh giá là đạt.	Đạt
		Có bất kỳ nội dung nào được đánh giá không đạt	Không đạt

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về giá (Phương pháp giá thấp nhất).**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định về sửa lỗi ghi dưới đây);

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định về hiệu chỉnh sai lệch ghi dưới đây);

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có);

Bước 5. So sánh giữa các HSDT để xác định giá thấp nhất (*HSDT có giá dự thầu/giá chào hàng sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất*).

Bước 6: Xếp hạng nhà thầu. HSDT có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

**Ghi chú:**

1. Sửa lỗi: là việc sửa lại những sai sót trong HSDT bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp HSMT có yêu cầu phải phân tích đơn giá chi tiết thì phải lấy số lượng trong bảng phân tích đơn giá dự thầu/chào hàng chi tiết làm cơ sở cho việc sửa lỗi số học. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSMT.

- Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc về đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.

2. Hiệu chỉnh sai lệch

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp trong HSDT của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với nội dung này trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu chào thiếu thuế, phí, lệ phí phải nộp theo yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

c) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

d) Trường hợp nhà thầu có HSDT được hiệu chỉnh sai lệch xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng, khi thương thảo hợp đồng phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với phần sai lệch thiếu.

3. Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch đối với HSDT của nhà thầu. Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, Nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu. Trường hợp Nhà thầu không chấp thuận với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu thì HSDT đó sẽ bị loại.

## Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

**ĐƠN CHÀO HÀNG/ĐƠN DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**Ngày: \_\_\_\_ [*Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng/đơn dự thầu*]Tên gói thầu: \_\_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng/dự thầu*]Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu*]

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời thầu/hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi Hồ sơ mời thầu/hồ sơ mời thầu số \_\_\_\_ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_ [*Ghi tên nhà thầu*], có địa chỉ tại \_\_\_\_ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu của Hồ sơ mời thầu/hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là \_\_\_\_ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]<sup>(2)</sup> cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_ [*Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu*]<sup>(3)</sup>.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ dự thầu/hồ sơ dự thầu này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Pháp luật về đấu thầu; không trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu mua sắm theo Quy chế mua sắm thường xuyên của Quý Công ty;
5. Đã đăng ký trên Mạng đấu thầu quốc gia và mạng đấu thầu Viettel.

Nếu Hồ sơ dự thầu/hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Hồ sơ mời thầu/hồ sơ mời thầu.

Hồ sơ dự thầu/hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_ ngày<sup>(4)</sup>, kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(5)</sup>.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu<sup>(6)</sup>**[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ dự thầu/hồ sơ dự thầu, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng/đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng/đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSMT.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định của HSMT.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng/đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng/đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng/đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình bên mời thầu bản chụp được chứng thực các văn bản này.

GIẤY ỦY QUYỀN <sup>(1)</sup>

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của \_ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại \_ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho \_ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự thầu gói thầu \_ [Ghi tên gói thầu] do \_ [Ghi tên bên mời thầu] tổ chức:

*[- Ký đơn chào hàng;*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ Hồ sơ mời thầu và văn bản giải trình, làm rõ Hồ sơ dự thầu;*

*- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*

*- Ký kết hợp đồng với bên mời thầu nếu được lựa chọn.]<sup>(2)</sup>*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu]. \_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng  
dấu (nếu có)]

**Người ủy quyền**

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật  
của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng  
dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc

dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH<sup>(1)</sup>

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*]

Căn cứ Quy chế mua sắm thường xuyên của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả;

Căn cứ Hồ sơ mời thầu/hồ sơ mời thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] phát hành ngày \_\_\_\_ [*ghi ngày được ghi trên HSMT*];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh \_\_\_\_\_ [*Ghi tên từng thành viên liên danh*]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại, số fax \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (*trường hợp được ủy quyền*).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: \_\_\_\_\_ [*Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho bên mời thầu theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_ [*Ghi rõ hình thức xử lý khác*].

## **Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] đối với từng thành viên như sau:

### 1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho \_\_\_\_ [*Ghi tên một bên*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau:

*[- Ký đơn chào hàng/đơn dự thầu;*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT;*

*- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*

*- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_ [*Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].*

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá chào
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....	....		
<b>Tổng cộng</b>		<b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b>	

## **Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành \_\_\_\_\_ bản, mỗi bên giữ \_\_\_\_

bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

*[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>***(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)*

**Bên thụ hưởng:** \_\_\_ *[Ghi đầy đủ và chính xác tên, địa chỉ của bên mời thầu]*

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_ *[Ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_ *[Ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_ *[Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng \_\_\_ *[Ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào hàng cạnh tranh/đấu thầu rộng rãi/đấu thầu hạn chế để thực hiện gói thầu \_\_\_ *[Ghi tên gói thầu]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự chào hàng cạnh tranh/đấu thầu rộng rãi/đấu thầu hạn chế gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_<sup>(2)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_<sup>(3)</sup>.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là \_\_\_ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút Hồ sơ dự thầu/hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của Hồ sơ dự thầu/hồ sơ dự thầu;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Hồ sơ mời thầu/hồ sơ mời thầu.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực

ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của Hồ sơ dự thầu/hồ sơ dự thầu. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

- (1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.
- (2) Ghi theo quy định tại Chi dẫn nhà thầu.
- (3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chi dẫn nhà thầu.

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**  
(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

**Bên thụ hưởng:** \_\_\_ [Ghi tên và địa chỉ của bên mời thầu]

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_ [Ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_ [Ghi số trích yếu của bảo lãnh dự thầu]

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_ [Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng \_\_\_ [Ghi tên nhà thầu]<sup>(2)</sup> (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào hàng cạnh tranh/đấu thầu rộng rãi/đấu thầu hạn chế để thực hiện gói thầu \_\_\_ [Ghi tên gói thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự chào hàng cạnh tranh/đấu thầu rộng rãi/đấu thầu hạn chế gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_<sup>(3)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_<sup>(4)</sup>.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là \_\_\_ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút Hồ sơ dự thầu/hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của Hồ sơ dự thầu/hồ sơ dự thầu;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Hồ sơ mời thầu/hồ sơ mời thầu.

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh \_\_\_ [Ghi đầy đủ tên của nhà

*thầu liên danh*] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của Hồ sơ dự thầu. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thoả thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thoả thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Chi dẫn nhà thầu.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chi dẫn nhà thầu.

## BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

1	2	3	4	5	6	7	8
TT	Tên hàng hóa	Quy cách/mã hiệu/Thông số kỹ thuật	Hãng Sản xuất (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Cột 6x7)
1	Rác thải công nghiệp						
2	Dịch vụ đốt rác						
	<b>Tổng cộng giá trị trước thuế</b>						
	<b>Thuế GTGT</b>						
	<b>Tổng cộng giá trị sau thuế</b>						

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

## Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5), (6) Nhà thầu ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa/Nội dung công việc quy định tại Chương IV – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.

Các cột (6), (7) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá/dịch vụ theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham gia chào hàng cạnh tranh, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

Mẫu số 06

BẢN KÊ KHAI NHÂN SỰ CHỦ CHỐT<sup>(1)</sup>

1.	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
2.	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
...	Vị trí công việc
	Tên

**Ghi chú:**

(1) Sử dụng Bảng này nếu Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT có quy định về nội dung nhân sự chủ chốt.

(2) Nhà thầu phải gửi kèm theo bản lý lịch, kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt để chứng minh sự đáp ứng yêu cầu so với HSMT.

**BẢN KÊ KHAI PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU  
PHỤ<sup>(1)</sup>**

<b>STT</b>	<b>Tên nhà thầu phụ<sup>(2)</sup></b>	<b>Phạm vi công việc<sup>(3)</sup></b>	<b>Khối lượng công việc<sup>(4)</sup></b>	<b>Giá trị % ước tính<sup>(5)</sup></b>	<b>Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có)<sup>(6)</sup></b>
1					
2					
...					

Ghi chú:

- (1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ thì kê khai theo Mẫu này.
- (2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ.
- (3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.
- (4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.
- (5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá chào.
- (6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có), nhà thầu phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

**BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU**

Ngày: \_\_\_\_\_ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói thầu: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời thầu, văn bản sửa đổi Hồ sơ mời thầu số \_\_\_\_\_ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm Hồ sơ mời thầu do \_\_\_\_\_ [Ghi tên bên mời thầu] phát hành, chúng tôi, \_\_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại \_\_\_\_\_ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để ....., hợp pháp và theo đúng quy định của Hồ sơ mời thầu.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

**Đại diện hợp pháp của Nhà thầu**  
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

## Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU

### Mục 1. Phạm vi cung cấp

Nội dung khái quát công việc của gói thầu: Cung cấp rác thải công nghiệp.

Thông tin trong Bảng phạm vi cung cấp là cơ sở để nhà thầu lập bảng chào giá theo Mẫu số 5 tương ứng quy định tại Chương III – Biểu mẫu. Phạm vi cung cấp hàng hóa/dịch vụ được mô tả theo Bảng dưới đây:

**Bảng số 1: Phạm vi cung cấp**

TT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số, đặc tính kỹ thuật của hàng hóa/dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Ghi chú
1	Rác thải công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ ẩm:</li> <li>+ Độ ẩm nhập hàng: <math>\leq 20\%</math>.</li> <li>+ Độ ẩm tính hàng: 8.5%.</li> <li>- Kích thước (dài x rộng x dày): <math>\geq 95\%</math> khối lượng.</li> <li>+ Dạng tấm <math>\leq 150 \times 150 \times 2\text{mm}</math> (dạng tấm) hoặc <math>\leq 20 \times 20 \times 20\text{mm}</math> (dạng khối).</li> <li>- Nhiệt trị: <math>\geq 4.500 \text{ kcal/kg}</math>.</li> <li>- Rác thải công nghiệp không lẫn tạp chất và các vật liệu lạ như: sắt, thép, đất, sỏi....</li> </ul>	Tấn	8.400	
2	Dịch vụ đốt rác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà cung cấp có trách nhiệm vận chuyển rác thải công nghiệp từ kho của bên A đến hệ thống tháp sấy, cấp liệu vào hệ thống sản xuất của bên A để đốt.</li> <li>- Khoảng cách từ địa điểm tập kết rác thải (Kho bãi chứa) đến hệ thống tháp sấy để đốt khoảng 200m.</li> <li>- Đảm bảo năng suất vận chuyển, cấp liệu <math>\geq 5</math> tấn/giờ.</li> <li>- Nhà thầu có trách nhiệm thu gom, đánh đồng rác thải tại kho bãi bên A đảm bảo vận chuyển rác và cấp liệu vào hệ thống sản xuất an toàn và đảm bảo vệ sinh an toàn lao động tại kho của bên A. Đảm bảo vệ sinh công nghiệp tại kho và địa điểm cấp liệu.</li> </ul>	Tấn	8.400	

*(Nhà thầu tính toán cả các chi phí để thực hiện gói thầu và phân bổ vào chi phí cung cấp hàng hóa/dịch vụ nêu trên và đưa vào Bảng tổng hợp giá chào theo biểu mẫu quy định tại Chương III – Hồ sơ mời thầu).*

### Mục 2: Tiến độ và địa điểm cung cấp hàng hóa/dịch vụ liên quan

- **Tiến độ cung cấp hàng hóa và các dịch vụ liên quan:** Cung cấp toàn bộ hàng hóa và các dịch vụ liên quan của gói thầu trong vòng 120 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng (cụ thể theo các Đơn đặt hàng của bên A).

- **Địa điểm cung cấp hàng hóa và các dịch vụ liên quan:** Nhà máy chính Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả - Km6, Quốc lộ 18A, Phường Quang Hanh, Quảng Ninh (Địa điểm tập kết cụ thể theo yêu cầu của Bên mời thầu).

### Mục 3: Các yêu cầu kỹ thuật.

#### 3.1. Yêu cầu về phạm vi cung cấp, đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và

các dịch vụ liên quan: Nhà thầu tuân thủ theo Bảng số 1, Mục 1, Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

### 3.2. Yêu cầu kỹ thuật cụ thể của hàng hóa

#### a. Về nguồn gốc và tính hợp lệ của hàng hóa

- Hàng hóa là rác thải không nguy hại như vải vụn, da giày, vụn nhựa, nilon công nghiệp, vụn gỗ, vỏ cây đước lầy, mua bán từ các nhà máy chế biến rác thải hoặc do Nhà thầu tự sản xuất.

- Hàng hóa phải tuân thủ các Quy định nêu tại Khoản 1, Điều 65, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Khoản 3, Điều 24, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên & Môi trường.

- Đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc gói thầu: Phải có hợp đồng mua bán với các Nhà máy chế biến rác thải hoặc giấy tờ thỏa thuận có nội dung tương đương và còn đủ thời gian, sản lượng thực hiện gói thầu; trường hợp thời gian, sản lượng ngắn hơn thời gian thực hiện hợp đồng thì nhà thầu phải có văn bản cam kết gia hạn.

- Đối với Nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa: Phải có các tài liệu, hồ sơ năng lực chứng minh năng lực sản xuất, năng suất sản xuất hàng hóa đáp ứng các yêu cầu của gói thầu (Năng suất tối thiểu 120 tấn/ngày).

- Nhà thầu chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp và nguồn gốc hàng hóa cung cấp. Chịu trách nhiệm phối hợp với bên mời thầu trong quá trình giải trình cùng các cơ quan thuế/thanh kiểm tra và bồi thường cho bên mời thầu 100% giá trị thiệt hại nếu hàng hóa của Nhà thầu cung cấp không đảm bảo tính hợp pháp theo quy định của Pháp luật.

- Trước khi ký kết Hợp đồng bên mời thầu có quyền đi kiểm tra nguồn gốc, chất lượng hàng hóa của Nhà thầu (nếu cần thiết).

#### b. Về quy cách, chỉ tiêu kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật của hàng hóa

Nhà thầu phải đưa đầy đủ thông tin về hàng hóa chào trong HSDT, cụ thể như sau:

- Quy cách hàng hóa đề xuất: Phải nêu Quy cách, đặc tính kỹ thuật của hàng hóa đề xuất trong HSDT (Hàng hóa Nhà thầu đề xuất phải có Thông số, đặc tính kỹ thuật đáp ứng yêu cầu (hoặc tốt hơn) các Thông số kỹ thuật/đặc tính kỹ thuật nêu tại **Bảng số 1, Mục 1, Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.**

- Nhà thầu phải đưa vào HSDT các tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (như datasheet, Catalog, các tài liệu kỹ thuật khác (nếu có) ...) để chứng minh hàng hóa đề xuất có đặc tính kỹ thuật, Quy cách đáp ứng yêu cầu đã nêu tại HSMT.

- Mẫu phân tích để đánh giá HSDT: Nhà thầu gửi mẫu của hàng hóa chào thầu theo địa chỉ bên mời thầu (gồm 02 túi mẫu, mỗi túi chứa 05kg được niêm phong; 01 mẫu dùng để phân tích mẫu và 01 mẫu để lưu tại bên mời thầu (mẫu trọng tài)). Bên mời thầu sẽ tiến hành kiểm tra, phân tích các mẫu hàng hóa này trong vòng 10 ngày sau thời điểm mở thầu. Trong trường hợp, mẫu hàng hóa của Nhà thầu không đáp ứng được tất cả các yêu cầu kỹ thuật nêu tại HSMT thì HSDT của nhà thầu được đánh giá là “không đạt” và không được xem xét, đánh giá các bước tiếp theo.

### **3.3. Yêu cầu kỹ thuật cụ thể của dịch vụ liên quan**

- Nhà thầu bố trí đầy đủ nhân lực, trang thiết bị để thực hiện các nội dung công việc theo đúng yêu cầu nêu tại Mục 1 – Phạm vi cung cấp, chương IV, HSMT.

- Nhà thầu có trách nhiệm trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, trang thiết bị làm việc cho các nhân lực này để thực hiện công việc. Tuân thủ nghiêm nội quy an toàn lao động của bên mời thầu khi thực hiện công việc. Chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu để xảy ra mất an toàn lao động, nếu xảy ra những việc ngoài ý muốn, thương vong đều không liên quan đến Bên mời thầu.

- Nhà thầu có trách nhiệm trang bị đầy đủ công cụ, dụng cụ, phương tiện vận chuyển và các máy móc thi công khác để thực hiện công việc có liên quan như san gạt, vun đóng liệu, vận chuyển liệu và cấp liệu tại địa điểm yêu cầu của bên mua. Các trang thiết bị, công cụ, phương tiện vận chuyển, máy thi công... nhà thầu bố trí phải đảm bảo trong tình trạng vận hành tốt và sẵn sàng thực hiện công việc 24/24.

- Nhà thầu có trách nhiệm Quản lý, vận hành thiết bị vận chuyển rác thải của bên A (hệ thống tời điện) để thực hiện dịch vụ đốt rác. Trong quá trình sử dụng, vận hành nếu hệ thống vận chuyển của bên A xảy ra sự cố, hỏng hóc thì nhà thầu phải có trách nhiệm khắc phục các sự cố hỏng hóc đó để hệ thống vận chuyển rác của bên A hoạt động bình thường (Chi phí khắc phục, xử lý do Nhà thầu chịu).

- Năng suất cấp liệu tối thiểu phải đáp ứng là 5 tấn/giờ. Trong trường hợp năng suất cấp liệu của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu (nhỏ hơn 5 tấn/giờ) thì nhà thầu phải chịu phạt theo Quy định tại Mục 5 của chương này.

### **Mục 4: Phương thức giao nhận hàng hóa.**

#### **1. Phương thức giao nhận: Giao nhận bằng đường bộ (ô tô).**

- Nhà thầu (Bên B) giao hàng cho Bên mời thầu (bên A) bằng xe ô tô có tải trọng < 80 tấn, phương tiện vận chuyển phải được đăng ký với trạm cân của nhà máy (số lượng xe, biển số xe, tên lái xe, CCCD/CMND...), trang bị bạt che

hàng đảm bảo hàng không bị ướt khi trời mưa và gây ảnh hưởng môi trường trong quá trình vận chuyển.

- Hàng sẽ được giao 24/24h tất cả các ngày trong tuần bao gồm cả ngày lễ và chủ nhật.

## 2. Giao nhận về khối lượng.

- Giao nhận rác thải công nghiệp trên phương tiện đường bộ (ô tô), thực hiện giao nhận theo phương thức cân khối lượng tại hệ thống cân điện tử của Bên A.

- Trường hợp  $W_{TT} \leq 8.5\%$  Khối lượng hàng hóa lấy theo khối lượng giao nhận thực tế.

- Trường hợp  $8.5\% < W_{TT} \leq 20\%$  Khối lượng hàng hóa sau quy đổi về độ ẩm quy định trong hợp đồng (8.5%) được xác định như sau:

$$KL_{\text{sau quy ẩm}} = KL_{\text{giao nhận}} \frac{100\% - W_{TT}}{100\% - W_{HD}}$$

### Trong đó:

$KL_{\text{giao nhận}}$  : Khối lượng giao nhận

$KL_{\text{sau quy ẩm}}$  : Khối lượng nhập kho (Khối lượng thanh toán) sau khi quy ẩm về độ ẩm Hợp đồng (8.5%)

$W_{TT}$  : Độ ẩm thực tế

$W_{HD}$  : Độ ẩm hợp đồng (8.5%)

## 3. Giao nhận về chất lượng:

- Bên A cùng với Bên B tiến hành lấy 01 mẫu (mẫu này gồm nhiều mẫu đơn được lấy trên ô tô tại trạm cân của Bên A) cho mỗi đợt giao hàng (*mẫu đại diện*), gồm có mặt của Bên B.

- Không thực hiện lấy mẫu khi trời mưa.

- Mẫu được đem về gia công, chia mẫu, niêm phong tại phòng thí nghiệm của Bên A bằng các dụng cụ, thiết bị, máy móc chuyên dụng. Bên B phải cử người đại diện giám sát quá trình gia công mẫu, chia mẫu, niêm phong mẫu và nhận phần mẫu được chia. Bên A không chịu trách nhiệm về việc Nhà cung cấp (bên B) không nhận được phần mẫu của lô hàng.

- Trường hợp kết quả phân tích của Bên A có sai lệch với kết quả phân tích của Bên B mà không thỏa thuận được, thì Bên A hoặc Bên B gửi cho Bên còn lại thông báo khiếu nại về chất lượng bằng văn bản, 2 bên sẽ thống nhất sẽ mang mẫu lưu đến đơn vị giám định độc lập được 2 bên thống nhất, trường hợp kết quả của đơn vị giám định độc lập có nhiệt năng chênh lệch không quá 50 Kcal/Kg và độ ẩm chênh lệch không quá 0,3 % so với kết quả của Bên A thì kết quả của bên A là đúng, trường hợp kết quả nằm ngoài phạm vi trên thì kết quả

của đơn vị giám định độc lập là đúng. Mọi chi phí phát sinh cho khiếu nại do bên sai chịu.

### **Mục 5: Yêu cầu về phạt vi phạm**

#### **1. Phạt vi phạm về tiến độ giao hàng, khối lượng cung cấp**

- Nếu Bên B cung cấp hàng hóa/dịch vụ cho Bên A không đảm bảo tiến độ sẽ bị phạt 01% giá trị lô hàng cho 01 ngày chậm trễ, tổng giá trị tiền phạt không vượt quá 8% giá trị khối lượng hàng hóa/dịch vụ không đảm bảo tiến độ.

- Trong trường hợp Bên B cung cấp hàng hóa/dịch vụ chậm quá 08 ngày bên A có quyền xem xét chấm dứt Hợp đồng và phạt Bên B 08% giá trị hợp đồng. Khi đó các bên được hiểu là bên B không có khả năng tiếp tục thực hiện hợp đồng.

- Nếu Bên B cung cấp hàng hóa/dịch vụ không đảm bảo chất lượng, bên A từ chối nhận hàng (theo điều khoản tại Mục 6 của chương này) khi đó Bên B phải giao bù lô hàng mới trong vòng 07 ngày tiếp theo và bị phạt 1% giá trị lô hàng (trong trường hợp này nếu thời gian giao hàng bù vượt thời gian giao hàng theo quy định Bên B vẫn bị phạt do không đảm bảo tiến độ). Giá trị lô hàng để tính giá trị phạt được xác định bởi khối lượng hàng hóa được cân bởi trạm cân bên A nhân với Đơn giá hợp đồng.

- Nếu một bên đơn phương hủy bỏ hợp đồng mà không thuộc những điều khoản cho phép đơn phương hủy hợp đồng hoặc không có sự thỏa thuận bằng văn bản của bên kia thì phải chịu phạt 08% (tám phần trăm) tổng giá trị hợp đồng.

- Hàng hóa phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật nêu tại **Bảng số 1**. Tuy nhiên sau khi nhận hàng, nếu quá trình sử dụng không đạt yêu cầu, bên A xem xét dừng nhận lô hàng (nếu chưa nhận hết), trả lại lô hàng đã giao nhưng chưa sử dụng và dừng đặt hàng lô tiếp theo. Với số lượng hàng hóa không đạt yêu cầu nhưng bên A đã sử dụng, bên B không được thanh toán.

#### **2. Phạt vi phạm về độ ẩm của từng đợt giao hàng**

$$GTP_A = K_1 \times KL_{\text{sau quy ẩm}}$$

Trong đó:

$GTP_A$  : Giá trị phạt về độ ẩm

$K_1$  : Hệ số phạt vi phạm về độ ẩm.

$KL_{\text{sau quy ẩm}}$  : Khối lượng nhập kho sau quy ẩm về độ ẩm Hợp đồng (8.5%).

$W_{TT}$  : Độ ẩm thực tế (%)

Hệ số phạt vi phạm về độ ẩm quy định cụ thể như sau:

- + Nếu  $8.5\% < WTT \leq 15\%$  : áp dụng  $K_1 = 1.500$  đồng/tấn.
- + Nếu  $15\% < WTT \leq 20\%$  : áp dụng  $K_1 = 3.000$  đồng/tấn.
- + Trường hợp  $WTT > 20\%$  Không nhận hàng, Bên A sẽ không chấp nhận và trả về cho Nhà thầu ngay tại địa điểm giao hàng. Toàn bộ chi phí liên quan đến lô hàng này do Bên B chịu. Mọi chi phí cho nghiệm thu, kiểm tra và các phát sinh khác của hàng hoá không đảm bảo chất lượng do Bên B chịu hoàn toàn.

### 3. Phạt vi phạm về nhiệt trị $Q_k$ (kcal/kg) của từng đợt giao hàng

$$GTP_Q = K_2 \times KL_{\text{sau quy âm}}$$

Trong đó:

$GTP_Q$  : Giá trị phạt về nhiệt trị

$K_2$  : Hệ số phạt vi phạm về nhiệt trị.

$KL_{\text{sau quy âm}}$  : Khối lượng nhập kho sau quy âm về độ ẩm Hợp đồng (8.5%).

$Q_k$  : Nhiệt trị rác thải (kcal/kg).

Hệ số phạt vi phạm về nhiệt trị quy định cụ thể như sau:

- + Nếu  $4.400 \leq Q_k$  (kcal/kg)  $< 4.500$ : áp dụng  $K_2 = 25.000$  đồng/tấn.
- + Trường hợp  $Q_k < 4.400$  kcal/kg : Không nhận hàng, Bên A sẽ không chấp nhận và trả về cho Nhà thầu ngay tại địa điểm giao hàng. Toàn bộ chi phí liên quan đến lô hàng này do Bên B chịu. Mọi chi phí cho nghiệm thu, kiểm tra và các phát sinh khác của hàng hoá không đảm bảo chất lượng do Bên B chịu hoàn toàn.

### 4. Phạt vi phạm kích thước của từng đợt giao hàng

- Trong trường hợp người có thẩm quyền của Bên A chấp nhận bốc dỡ hàng hóa có kích thước  $> 150 \times 150 \times 2$ mm (dạng tấm) hoặc  $> 20 \times 20 \times 20$ mm (dạng khối) chiếm tỷ trọng  $> 5\%$  tổng khối lượng chuyển hàng, khi đó giá trị phạt về kích thước được tính như sau:

$$GTP_{KT} = ĐG_{HD} \times K_3 \times KL_{\text{trước quy âm}}$$

Trong đó:

$GTP_{KT}$  : Giá trị phạt về kích thước

$K_3$  : Tỷ trọng vi phạm về kích thước, cụ thể:

$$(K_3 = \frac{KL_{\text{loại bỏ}}}{KL_{\text{giao nhận}}})$$

$ĐG_{HD}$  : Đơn giá cung cấp rác thải công nghiệp/tấn theo hợp đồng

$KL_{\text{trước quy âm}}$  : Khối lượng trước khi giao nhận và loại bỏ về vượt kích cỡ.

### 5. Phạt vi phạm năng suất cấp liệu rác thải vào hệ thống đốt rác

- Nhà cung cấp phải có trách nhiệm đảm bảo năng suất cấp liệu rác thải vào phễu tiếp liệu của hệ thống đốt rác tối thiểu đạt 5 tấn/h.

- Trong thực tế thực hiện công việc nhà cung cấp không đảm bảo được năng suất cấp liệu tối thiểu như trên, bên A sẽ tính toán tổng thời gian cấp liệu không đạt năng suất yêu cầu và bên B sẽ chịu mức phạt là 100.000 đồng/1 giờ cấp liệu không đạt năng suất.

#### **Mục 6: Các trường hợp từ chối nhận hàng**

Chỉ tiêu kỹ thuật	Thông số tiêu chuẩn	Thông số từ chối
Độ ẩm	$\leq 8.5\%$	$> 20\%$
Nhiệt trị	$\geq 4.500$ Kcal/kg	$< 4.400$ kcal/kg
Kích thước (dài x rộng x dày): Dạng tấm $\leq 150 \times 150 \times 2$ mm (dạng tấm) hoặc $\leq$ $20 \times 20 \times 20$ mm (dạng khối)	$\geq 95\%$ khối lượng	$< 95$ (chiếm 5% tỷ trọng)

- Nếu các chỉ tiêu kỹ thuật, thông số kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật thay đổi phải được sự chấp thuận của người có thẩm quyền Bên A.

#### **Mục 7: Yêu cầu về điều kiện thanh toán**

- Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản qua Ngân hàng hoặc đối trừ công nợ.

- Thời hạn thanh toán: Hàng tháng hai bên sẽ tổ chức nghiệm thu khối lượng hàng hóa Bên B giao trong tháng (Nghiệm thu theo từng đợt giao hàng của bên B). Căn cứ vào khối lượng và giá trị nghiệm thu trong tháng, Bên A sẽ thanh toán bằng chuyển khoản thông qua ngân hàng hoặc đối trừ công nợ toàn bộ giá trị các đợt giao hàng cho Bên B trong vòng **60 ngày** kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ các chứng từ bản gốc sau:

- + Phiếu kiểm tra chất lượng do Bên A phát hành (không có tranh chấp).
- + Phiếu kiểm tra chất lượng do đơn vị độc lập phát hành (nếu có tranh chấp)
- + Biên bản giao hàng của hai Bên.
- + Công văn đề nghị thanh toán của Bên B.
- + Hóa đơn GTGT do Bên B phát hành.
- + Các phiếu cân/phiếu thống kê khối lượng hàng hóa bên B bàn giao (Thực hiện cân khối lượng tại trạm cân của bên A)
- + Bảng Tổng hợp khối lượng và giá trị thanh toán.
- + Thanh lý Hợp đồng (cho đợt giao hàng cuối cùng).

Các chứng từ khác (nếu có).

## Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

Một số nội dung chính trong dự thảo Hợp đồng:

1. Phương thức thanh toán: Theo Quy định tại chương IV, HSMT
2. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 120 ngày (Trong đó: Cung cấp hàng hóa/dịch vụ liên quan trong vòng 105 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng, cộng thêm 15 ngày nghiệm thu, bàn giao).
4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:
  - Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:
    - + Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trước hoặc bằng ngày Hợp đồng có hiệu lực.
    - + Hình thức, giá trị và hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: là thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có giá trị bằng 2% giá hợp đồng, hiệu lực tối thiểu 150 ngày kể từ ngày mở bảo đảm (Nhà thầu cung cấp mẫu thanh toán bảo đảm thực hiện Hợp đồng được Ngân hàng mở bảo lãnh chấp thuận hoặc Ngân hàng bảo lãnh phát hành). Trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện Hợp đồng 30 ngày mà có 1 phần công việc hoặc toàn bộ nội dung công việc thực hiện mà bên B chưa có thể thực hiện được (chưa hoàn thành nội dung công việc trong HĐ) thì bên B có trách nhiệm gia hạn Bảo đảm thực hiện Hợp đồng đến thời điểm mà bên B hoàn thành toàn bộ nội dung công việc nêu tại Hợp đồng).
    - Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
5. Bảo hành: Không áp dụng.
6. Phạt vi phạm Hợp đồng: Theo Quy định tại chương IV – HSMT.
7. Điều kiện thanh toán: Theo Quy định tại chương IV – HSMT.